TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 592 /2025/DS-PT Ngày 22 – 8 – 2025 V/v tranh chấp về dân sự "Hợp đồng góp hụi"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Bùi Thị Thanh Bạch, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về Tranh chấp "V/v tranh chấp về dân sự – Hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 994/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số nhà A, Ấp B, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hoàng Văn A – Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

- *Bị đơn*: 1.Đinh Thị T, sinh năm 1983;

2.Đỗ Hoàng N, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp).

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1969 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Chị Trần Thị T1, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

3. Bà Bùi Thị R, sinh năm 1966 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy O.

(Bà Nguyễn Thị Thúy O có mặt. Luật sư Hoàng Văn A có mặt. Chị Đinh Thị T và anh Đỗ Hoàng N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai vào ngày 27/8/2024 của bà Nguyễn Thị Thúy O; Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà O trình bày:

Từ ngày 01/5/2021 đến ngày 15/02/2023 bà có tham gia 08 dây hụi do chị Đinh Thị T và anh Đỗ Hoàng N tổ chức. 08 dây hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ 1: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 01/5/2021 (nhằm 20/3/2021 AL) tổng cộng 24 phần, chị tham gia 01 phần, đóng đến kỳ thứ 24 là ngày 01/4/2023 thì anh N, chị T ngưng hụi, số tiền đóng cụ thể chị không nhớ, nếu hốt chị được 24.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 2: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15/4/2022 (nhằm 15/3/2022AL), tổng cộng 31 phần, chị tham gia 01 phần và mua 01 phần, đóng đến kỳ 15 ngày 15/6/2023 thì anh N, chị T ngưng hụi, chị đóng được 115.600.000 đồng (gồm hụi chơi và hụi mua).

- Dây hụi thứ 3: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15/4/2022 (nhằm 15/3/2022AL), tổng cộng 31 phần, chị tham gia 01 phần và mua 01 phần, đóng đến kỳ 15 ngày 15/6/2023 thì anh N, chị T ngưng hụi, chị đóng được 195.600.000 đồng (gồm hụi chơi và hụi mua).

- Dây hụi thứ 4: Hụi 3.000.000đồng/tháng, khui ngày 24/10/2022 (nhằm 29/9/2022AL), tổng cộng 31 phần, chị tham gia 01 phần và mua 01 phần, đóng đến kỳ 9 ngày 24/6/2023 thì anh N, chị T ngưng hụi, chị đóng được 89.200.000 đồng (gồm hụi chơi và hụi mua).

- Dây hụi thứ 5: Hụi 3.000.000đồng/tháng, khui ngày 18/11/2022 (nhằm 25/10/2022AL), tổng cộng 31 phần, chị tham gia 01 phần và mua 01 phần, đóng đến kỳ 8 ngày 18/6/2023 thì anh N, chị T ngưng hụi, chị đóng được 84.340.000 đồng (gồm hụi chơi và hụi mua).

- Dây hụi thứ 6: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15/02/2023 (nhằm 25/3/2023AL), tổng cộng 31 phần, chị tham gia 01 phần và mua 01 phần, đóng đến kỳ 5 ngày 15/6/2023 thì anh N, chị T ngưng hụi, chị đóng được 71.600.000 đồng (gồm hụi chơi và hụi mua).

- Dây hụi thứ 7: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15/02/2023 (nhằm 25/01/2023AL), tổng cộng 31 phần, chị tham gia 01 phần và mua 01 phần, đóng đến kỳ 5 ngày 15/6/2023 thì anh N, chị T ngưng hụi, chị đóng được 125.400.000 đồng (gồm hụi chơi và hụi mua).

- Dây hụi thứ 8: Hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần, khui ngày 15/02/2023 (nhằm 25/01/2023AL), tổng cộng 36 phần, chị tham gia 02 phần và mua 02 phần, đóng đến kỳ 5 ngày 15/6/2023 thì anh N, chị T ngưng hụi, chị đóng được 71.200.000 đồng (gồm hụi chơi và hụi mua).

Tổng cộng, bà O đóng được số tiền 776.940.000 đồng gồm tiền đóng hụi và mua hụi, không nhớ cụ thể.

Vào ngày 10/7/2023, bà O được báo là chị T đã xả hụi (vỡ hụi). Chị T và anh N nói không đủ tiền trả lại cho bà nên sẽ đưa giấy tờ đất giữ làm tin, còn hứa sẽ phân lô đất và bán nền cho bà O trừ cấn nợ.

Ngày 15/7/2023, bà O đến nhà chị T và anh N để chốt hụi thì anh, chị nói đang khó khăn mong bà O thông cảm lấy lại tiền vốn. Chị Thúy T2 lại số tiền còn thiếu bà O từ số tiền 776.940.000 đồng chỉ còn lại số tiền 585.380.000 đồng. Bà O đồng ý không tính lãi nợ hụi. Tuy nhiên, sau đó chị T và anh N không trả tiền vốn, lãi cho bà.

Do đó, bà O yêu cầu chị Đinh Thị T và anh Đỗ Hoàng N trả cho bà một lần số tiền hụi 585.380.000 đồng và tính lãi chậm trả từ ngày 15/02/2023 đến ngày 15/8/2024 (ngày Tòa án xét xử) tạm tính là 18 tháng, mức lãi suất 0.83%/tháng là 87.455.772 đồng, thành tiền tổng cộng là 672.835.772 đồng.

Tại phiên tòa, bà O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị T và anh N trả cho bà tiền nợ hụi là 585.380.000 đồng, tính lãi từ ngày 15/7/2023 đến ngày Tòa án xét xử.

* Bị đơn là chị Đinh Thị T và anh Đỗ Hoàng N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án theo quy định.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng hợp đồng góp hụi đã được chị T xác nhận nợ tại văn bản ngày 15/72023, bị đơn đã được tống đạt nhưng không có ý kiến phản đối, đây là tình tiết không phải chứng minh. Anh N biết việc tham gia hụi của bà O nên phải có trách nhiệm chung trong việc trả nợ hụi. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh N, chị T có trách nhiệm liên đới trả cho bà O số tiền hụi là 585.380.000 đồng và tiền lãi 0.83%/tháng từ ngày 15/7/2023 đến ngày Tòa án xét xử.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 46/2025/DS – ST, ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp) đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy O.

Buộc chị Đinh Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thúy O số tiền 585.380.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của chị O yêu cầu anh Đỗ Hoàng N liên đới trả tiền hụi và yêu cầu tính lãi số tiền 106.170.290 đồng.

Kể từ ngày chị O có đơn yêu cầu Thi hành án nếu chị T chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Chị O phải chịu 5.308.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị đã nộp 15.456.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0012036 ngày 05/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên hoàn lại chị O 10.147.500 đồng.

+ Chị T phải chịu 27.415.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Kháng cáo: Ngày 16/5/2025, nguyên đơn của vụ án là bà Nguyễn Thị Thúy O kháng cáo một phần quyết định bản án:

+ Yêu cầu tính lãi chậm trả 10%/năm đối với khoản nợ hụi là 585.380.000 đồng, tính từ ngày 15/7/2023 đến thời điểm thi hành án.

+ Yêu cầu buộc anh Đỗ Hoàng N liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi chậm trả cho bà O.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy O, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy O trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy O:

- Bà O kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu:

+ Yêu cầu tính lãi chậm trả 10%/năm đối với khoản nợ hụi là 585.380.000 đồng, tính từ ngày 15/7/2023 đến thời điểm thi hành án.

+ Yêu cầu buộc anh Đỗ Hoàng N liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi chậm trả cho bà O.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[2.1] Bà O tham gia 08 dây hụi do chị Đinh Thị T làm chủ hụi. Chị T bị vỡ hụi (xả hụi) nên làm giấy thiếu tiền hụi của bà O với số tiền tổng cộng là 585.380.000 đồng. Biên nhận được chị T ký tên xác nhận vào ngày 15/7/2023.

Tuy tại biên nhận nợ hụi không thể hiện nội dung về thời hạn thanh toán nhưng sau khi viết biên nhận nợ cho bà O thì chị T không có mặt tại địa phương, cố ý lẫn tránh việc thanh toán nợ cho bà O. Do đó, bà O yêu cầu chị T tính lãi suất đối với số tiền nợ hụi sau ngày 15/7/2023 là có căn cứ và phù hợp.

Bản án sơ thẩm nhận định do bà O không chứng minh hai bên có thỏa thuận thời gian trả nợ và bà O có khai là chị T nói bà O chờ vài ngày để làm giấy tờ phân lô tách thửa đất, bán cho bà O cấn trừ nợ… hai bên chưa thống nhất thời gian trả nợ nên không chấp nhận yêu cầu của bà O yêu cầu tính lãi suất chậm trả là chưa phù hợp. Bởi lẽ, sau ngày viết biên nhận nợ hụi, chị T cố ý trốn tránh, bà O nhiều lần liên lạc nhưng không được.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người làm chứng gồm: Bà Nguyễn Thị N1, chị Trần Thị T1, bà Bùi Thị R đều xác định: Bà O có tham gia hụi cùng với bà N1, chị T1, bà R. Chị Đinh Thị T có mở và làm chủ hụi nhưng không biết lý do nào mà chị T tuyên bố vỡ hụi (xả hụi) và cùng chồng là anh Đỗ Hoàng N bỏ địa phương đi. Có lúc anh N là người nhận tiền đóng hụi của các hụi viên thay cho chị T nên biết rõ việc chị T mở hụi, khui hụi.

Đồng thời, tại hồ sơ vụ án bà O có kèm Đơn tố giác tội phạm vào ngày 10/10/2023 của bà O gửi Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang đối với chị Đinh Thị T và anh Đỗ Hoàng N. Tại đơn tố giác, bà O có trình bày về việc chị T và anh N cố tình lẫn tránh việc thanh toán nợ hụi của bà, nên yêu cầu tính lãi chậm trả nợ của bà O là có căn cứ để chấp nhận.

Việc tính lãi cụ thể như sau:

Tính từ ngày 15/7/2023 đến ngày 15/8/2025 là 25 tháng. Mức lãi suất chậm trả được xem xét là 0,83%/tháng.

585.380.000 đồng x 0,83%/tháng x 25 tháng = 121.466.350 đồng.

Tổng cộng tiền hụi gốc và lãi là 706.846.350 đồng (Bảy trăm lẻ sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi đồng).

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà O về trách nhiệm liên đới của anh Đỗ Hoàng N:

Tại Biên nhận chốt nợ hụi ngày 15/7/2023 giữa chị T và bà O không có của anh N (chồng chị T) ký tên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà O có xuất trình tin nhắn giữa bà O và anh N; Đồng thời, tại các giấy giao hụi do chị T viết đều có tên anh Đỗ Hoàng N cùng lời trình bày của những người làm chứng tại phiên tòa cho thấy việc tổ chức hụi của chị T được thực hiện tại nhà của chị T và anh N. Điều này chứng tỏ anh N có biết việc chị T tổ chức hụi.

Anh N và chị T là vợ chồng. Việc tổ chức hụi của chị T tại nhà cũng để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 27 và 30 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị T và anh N vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án để phản đối khởi kiện của bà O.

Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà O về việc yêu cầu anh N có trách nhiệm liên đới cùng chị T trả nợ hụi và lãi suất cho bà O.

Bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà O là chưa phù hợp.

[2.3] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[2.4] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy O, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Vấn đề cần rút kinh nghiệm:

Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Đồng Tháp) được tuyên vào ngày 07/5/2025. Vào ngày 07/5/2025, bản án nêu trên được niêm yết cho bị đơn là chị Đinh Thị T và anh Đỗ Hoàng N nhưng Tòa cấp sơ thẩm không giao bản án cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy O là vi phạm vào Khoản 2 Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc cấp trích lục bản án; giao, gửi bản án.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Thúy O kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Vào ngày 19/5/2025, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Đồng Tháp) có Thông báo về việc kháng cáo số 14/TB-TA. Nhưng thông báo kháng cáo nêu trên cũng không được Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho bà Nguyễn Thị Thúy O theo quy định tại Điều 277 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do sửa Bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị Thúy O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 147, Điều 148 và Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 471 và Khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 27 và 30 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy O.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Đồng Tháp).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy O.

Buộc chị Đinh Thị T và anh Đỗ Hoàng N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thúy O tổng cộng tiền hụi gốc và lãi là 706.846.350 đồng (Bảy trăm lẻ sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi đồng), khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Thúy O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Bà O được nhận lại số tiền 15.456.000 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012036 ngày 05/11/2024 và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012929 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Tháp).

+ Chị Đinh Thị T và anh Đỗ Hoàng N có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 28.274.000 (Hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 3 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2025-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Liên Hiệp